TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:20/2023/DSST
Ngày 18 tháng 9 năm 2023
(V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng – Ông Thái Văn Thành.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 17/01/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:218/2023/ ĐXX - ST ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:96/2022/QĐ-HPT ngày 29/8/2022.

Giữa:

*** Nguyên đơn:** - Ông Trần Vương T, sinh năm 1969 (Có mặt)
- Bà Phạm Thị Lê H, sinh năm 1974 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

*** Bị đơn:** - Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1972
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1975
Cùng địa chỉ: xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Đều vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì vụ án có nội dung:

Vợ chồng ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H và vợ chồng ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L là người cùng xóm thường ngày chơi với nhau. Do có mối quan hệ này nên từ tháng 3/2022 đến 10/2022 vợ chồng ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L đã vay của vợ chồng ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H ba lần tiền, cụ thể:

- Ngày 14/3/2022 vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), với lãi suất 0,1% tháng. Lãi được trả vào ngày 14 hàng tháng. Thời điểm thanh toán tiến gốc là vào ngày 14/01/2023.

-Ngày 13/7/2022 vay số tiền 180.000.000 đ (một trăm tám mươi triệu đồng) với lãi suất 0,1% tháng. Lãi được trả vào ngày 13 hàng tháng. Thời điểm thanh toán tiến gốc là vào ngày 14/01/2023.

- Ngày 06/10/2022 đã vay số tiền 100.000.000 đ với lãi suất 0,1% tháng. Lãi được trả vào ngày 06 hàng tháng.Thời điểm thanh toán tiến gốc là vào ngày 14/01/2023.

Những lần vay được các bên lập thành văn bản, trong đó khoản vay 500.000.000 đồng ngày có chữ ký của hai vợ chồng ông Đ, bà L. Khoản vay 180.000.000 đồng ngày 13/7/2022 và khoản vay 100.000.000 đ ngày 06/10/2022 chỉ có một mình bà Trần Thị L ký vào giấy vay tiền.

Quá trình vay thì vợ chồng ông Đ, bà L đã thanh toán tiền lãi suất đầy đủ cho vợ chồng ông T, bà H. Đến hạn thanh toán tiền gốc của ba lần vay thì ông Đ, bà L không tự nguyện thanh toán. Vợ chồng ông T, bà H đã đến tận nhà yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà L trả nợ nhiều lần, nhưng vợ chồng ông Đ, bà L cố tình dây dưa về việc thanh toán nợ. Do đó ông T, bà H đã khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông Đ, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền số tiền gốc của ba lần vay nêu trên với tổng số tiền 780.000.000đ (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu buộc ông Đ, bà L trả tiền lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ vụ án, do chưa đủ chứng cứ buộc vợ chồng ông Đ, bà L trả nợ vì bà L, ông Đ không có mặt tại tòa án để xác thực chữ viết, chữ ký của người vay tiền. Do đó nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của ông Đ, bà L được lưu giữ tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An làm mẫu so sánh giám định, để có cơ sở buộc ông Đ, bà L trả nợ. Tòa án đã thu thập được mẫu chữ ký, chữ viết của ông Đ, bà L tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị N tại UBND xã Đ, huyện Y. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đã được UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An chứng thực vào ngày 06/10/2021 để làm mẫu so sánh giám định.

Tại kết luận giám định số: 219/KL - KTHS ngày 16/8/2023 của V - Bộ C đã kết luận:

-Chữ "L" "Trần Thị L" được viết dưới chữ " Bên vay" tại giấy vay tiền 14/3/2022 và chữ "L" "Trần Thị L" và chữ " L" "Trần Thị L" được viết dưới dòng chữ bên A (Bên chuyển nhượng) tại trang 3 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Đ chứng thực vào ngày 21/10/2021 là do một người viết ra.

Chữ "Đ" "Trần Minh Đ" được viết dưới chữ "Bên vay" tại giấy vay tiền 14/3/2022 và chữ "Đ" "Trần Minh Đ " được viết dưới dòng chữ Bên A (Bên chuyển nhượng) tại trang 3 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Đ chứng thực vào ngày 21/10/2021 là do một người viết ra.

- Chữ "L" "Trần Thị L" viết dưới chữ "Bên vay" tại giấy vay tiền 13/7/2022 và chữ "L " "Trần Thị L" được viết dưới dòng chữ bên A (Bên chuyển nhượng) tại trang 3 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Đ chứng thực vào ngày 21/10/2021 là do một người viết ra.

- Chữ "L" "Trần Thị L" viết dưới chữ "Bên vay" tại giấy vay tiền 06/10/2022 và chữ "L " "Trần Thị L" được viết ở dưới dòng chữ Bên A (bên chuyển nhượng) tại trang 3 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Đ chứng thực vào ngày 21/10/2021 là do một người viết ra.

Đối với bị đơn ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu các đương sự có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Đ bà L không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai và kết quả giám trưng cầu định tại V -Bộ C thấy rằng việc vay nợ của vợ chồng ông Đ, bà L đối với với vợ chồng ông T, bà H cơ bản đúng như nguyên đơn trình đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau**:**

*Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, đúng quan hệ tranh chấp. Xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại chương VII BLTTDS; Toàn bộ chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp đều là bản chính hoặc bản có chứng thực, y sao của cơ quan có thẩm quyền.Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Đã chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu theo quy định tại Điều 196, Điều 220 BLTTDS. Đã đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 227, 254, 258, 262 và Điều 264 BLTTDS năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, điều 71 và Điều 227 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều 70; Điều 72 và Điều 227 của BLTTDS.

* Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465; Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 ; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Đề nghị xử:

Buộc: Bà Trần Thị L, ông Trần Minh Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền số tiền nợ gốc do cho vợ chồng ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H số tiền gốc 500.000.000đ (Bằng chữ: năm trăm triệu đồng) vay vào ngày 14/3/2022.

Buộc: Bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H với tổng số tiền 280.000.000 đ (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng), trong đó số tiền vay ngày 13/7/2022 là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), số tiền ngày 06/10/2022 là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu, nên đề nghị miễn xét

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Buộc bà Trần Thị L, Trần Minh Đ phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, đề nghị tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng bị đơn không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục niêm yết, tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L.

[2] Về nội dung : Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa có cơ sở khẳng định: Trong năm 2022 vợ ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H đã cho ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L vay ba lần tiền. Ngày 14/3/2022 vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Ngày 13/7/2022 vay số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và ngày 06/10/2022 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ba giấy vay tiền chứng minh ông Đ, bà L vay tiền của ông T, bà H đã được nguyên đơn giao nộp trong quá trình khởi kiện được lưu tại hồ sơ vụ án. Ngoài tài liệu chứng minh việc vay nợ nêu trên, còn được chứng minh tại kết luận giám định số: 219/KL - KTHS ngày 16/8/2023 của V - Bộ C:

Căn cứ vào kết luận giám định thì chữ viết của người vay tiền để lại trên ba giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp và chữ viết tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An chứng thực vào ngày 21/10/2021 là chữ viết của người vay tiền bà Trần Thị L và ông Trần Minh Đ. Ba lần vay đều có thời hạn trả nợ, trả lãi suất được ghi trong những giấy vay tiền.Thời

hạn trả ông Đ, bà L phải nợ của những khoản nợ trên cho ông T2, bà H được kết vào ngày 13/1/2023 và ngày 14/01/2023.

Quá trình vay nợ, bà L, ông T chỉ thanh toán đầy lãi suất cho vợ chồng ông T, bà H. Đến hạn thanh toán nợ gốc bà L, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán nợ gốc cho bên cho vay. Do đó ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông bà Trần Thị L, ông Trần Minh Đ trả số nợ gốc của ba lần vay là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào bút tích để lại trên giấy tiền ngày 14/3/2022 đối với số tiền vay 500.000.000 đ.Thấy rằng lần vay này ông Đ, bà L là ký vào giấy vay tiền, nên xác định đây khoản nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà L đối với ông T ,bà H. Do đó cần buộc bà L, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng nhau thanh toán số tiền gốc 500.000.000 đ cho vợ chồng ông T, bà H

Đối với khoản nợ gốc 180.000.000 đ vay 13/7/2022 và khoản nợ gốc 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) vay ngày 06/10/2022, bút tích để lại tại giấy vay tiền do một mình bà Trần Thì L1 ký vào giấy vay tiền. Xác định những lần vay này là do bà L1 vay cá nhân đối với vợ chồng ông T, bà H không phải nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà L1 đối với ông T, bà H. Vì vậy cần buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cá nhân cho vợ chồng ông T, bà H số tiền đã vay ngày 13/7/2022 và ngày 06/10/2022.

Về lãi suất: Ông Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H không yêu cầu tính lãi suất đối với ba khoản vay, nên miễn xét.

[3] Án phí: Buộc bị đơn bà Trần Thị L, ông Trần Minh Đ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[4] xử lý tiền tạm ứng án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465; Điều 466, khoản 1 Điều 468 ; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Xử:

Buộc: Ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng ông Trần Vương T, bà Phạm Thị H số tiền gốc ngày 14/3/222 là 500.000.000 đ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng).

Buộc: Bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Trần Vương T, bà Phạm Thị H1 tổng số tiền gốc là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).Trong tiền gốc vay ngày 13/7/2022 là 180.000.000 đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền gốc vay ngày 06/10/2022 với số tiền là 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sư năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc: Ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị L phải liên đới nộp 24.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc: Bà Trần Thị L phải nộp 14.000.000 đ (Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 17.000.000đ (Bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh Trần Vương T, bà Phạm Thị Lê H theo biên lai nộp tiền số:AA/2022/ 0000763 ngày 12/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự.